

Số: 62 /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về

sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 95/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, X5.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân công, phân cấp quản lý các hoạt động trong sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo hướng dẫn tại các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan nhà nước được phân công, phân cấp quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Xây dựng: Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các phương án phát triển mạng lưới cấp nước đô thị và khu công nghiệp theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

b) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước tại đô thị, khu kinh tế và khu công nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước đô thị, khu kinh tế và khu công nghiệp.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá bán nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá nước sạch đối với các công trình cấp nước tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

e) Phối hợp Sở Tài chính lập danh mục các công trình cấp nước kêu gọi đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước đô thị có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

i) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch xây dựng kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp.

k) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các phương án phát triển mạng lưới cấp nước nông thôn theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý các hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn nông thôn.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch xây dựng kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn nông thôn.

đ) Chủ trì, phối hợp đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước trên địa bàn nông thôn.

e) Phối hợp Sở Tài chính lập danh mục các công trình cấp nước kêu gọi đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá bán nước sạch tại khu vực nông thôn trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá nước sạch đối với các công trình cấp nước tại khu vực nông thôn.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

i) Tổ chức xác định, phân vùng chức năng (cấp nước sinh hoạt,...) đối với nguồn nước mặt nội tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

k) Tổ chức khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

l) Phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

m) Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước theo quy định.

o) Chủ trì, tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất và cung cấp nước sạch trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

p) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Có ý kiến về phương án giá nước sạch do Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định gửi lấy ý kiến.

c) Phối hợp các sở ngành liên quan cân đối ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và các chính sách hỗ trợ khác cho các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch thuộc đối tượng được Nhà nước quy định hỗ trợ.

d) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch do doanh nghiệp Nhà nước quản lý;

đ) Tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện các đề án quy hoạch cấp nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, địa phương, đơn vị, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan lập danh mục mời gọi đầu tư và đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Y tế

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế.

c) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn định kỳ 6 tháng, 01 năm và đột xuất khi có yêu cầu.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham gia thẩm định, cho ý kiến về công nghệ xử lý nước sạch thuộc dự án đầu tư xây dựng mới và kiểm tra công nghệ đã được vận hành tại các dự án đầu tư được xây dựng.

b) Cập nhật và đăng tải các thông tin khoa học, kết quả nghiên cứu, sáng chế được công nhận ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực cấp nước.

6. Công an tỉnh

a) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn tại các công trình cung cấp nước sạch.

b) Chỉ đạo các Phòng nghiệp vụ liên quan phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của nhân dân.

c) Thực hiện công tác thẩm định thiết kế về PCCC; kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC; cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (đến hết ngày 30/6/2026) đối với hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà theo

đúng quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

d) Khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước PCCC; thường xuyên phối hợp kiểm tra sự hoạt động của hệ thống các trụ nước chữa cháy; phối hợp đề xuất duy tu, sửa chữa hoặc thay thế các trụ nước chữa cháy hư hỏng.

đ) Phối hợp với đơn vị cấp nước xây dựng phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC đô thị và khu công nghiệp; phối hợp Sở Tài chính đề xuất bố trí kinh phí sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung do cơ quan Công an sử dụng để chữa cháy và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn; đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp; triển khai thực hiện, tổ chức giám sát kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn theo nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

c) Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn như sau:

1. Tổ chức thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý theo nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

2. Ưu tiên quỹ đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước sạch theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu hồi đất theo quy định để nhà đầu tư triển khai dự án cấp nước.

3. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các đơn vị cấp nước bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

4. Tổ chức phổ biến, công khai đến người dân thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát cộng đồng gồm: Quy hoạch cấp nước, đề án cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thỏa thuận

thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước; quá trình triển khai thực hiện các dự án cấp nước; chất lượng dịch vụ và giá cung cấp nước sạch theo quy định tại Thông tư số 01/2008/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

5. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước trên địa bàn; triển khai thực hiện và tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt trên địa bàn mình quản lý.

6. Phối hợp theo dõi việc triển khai quy hoạch cấp nước và các dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn đồng thời báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan về các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền người dân hạn chế sử dụng nước dưới đất và tăng cường sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn.

8. Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12), đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng (đối với cấp nước trên địa bàn đô thị) và Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cấp nước trên địa bàn nông thôn).

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước

1. Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ trưởng Bộ Y tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi phục vụ theo nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Thông tư số 01/2008/TT-BXD.

3. Lập phương án giá nước sạch sau khi thống nhất với bên ký văn bản thỏa thuận dịch vụ cấp nước, trình Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định theo thẩm quyền tại quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tham gia ý kiến về quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

6. Lập kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý tại đô thị và khu công nghiệp theo Điều 4 của Thông tư số 08/2012/TT-BXD của

Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn, báo cáo Sở Xây dựng thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn sau khi được phê duyệt. Đối với đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước nông thôn: Lập, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý tại khu vực nông thôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

7. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch; ưu tiên sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; Lập kế hoạch hàng năm cho hoạt động kiểm tra, thay thế các tuyến ống và thiết bị trên mạng đường ống cấp nước xuống cấp hoặc hết hạn sử dụng.

8. Chủ trì phối hợp với đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH xây dựng phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC.

9. Chủ động tổ chức kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước và báo cáo định kỳ kết quả xét nghiệm mẫu nước cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý kịp thời.

10. Cân đối nguồn vốn, thực hiện việc đầu tư, mở rộng mạng lưới đường ống, công suất cấp nước đến các khu dân cư tập trung, tuyến dân cư chưa được cung cấp nước sạch khi có yêu cầu từ Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc từ Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở phù hợp với nội dung văn bản thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký kết theo Khoản 2 Điều này.

11. Khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị cấp nước cập nhật và quản lý mạng lưới hệ thống cấp nước, áp lực nước, hệ thống van bằng hệ thống GIS phục vụ công tác quản lý, vận hành đảm bảo cấp nước an toàn.

12. Khi chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch cho các tổ chức, cá nhân khác, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước phải có ý kiến thỏa thuận với Sở Xây dựng nếu doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch cho khu vực đô thị và khu công nghiệp, với Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch cho khu vực nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Khu kinh tế nơi đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

13. Doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch cần thông báo kịp thời cho các khách hàng sử dụng nước khi có sự cố xảy ra theo quy định và có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước.

14. Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12) về Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phân công trách nhiệm quản lý tại Điều 3 của Quy định này và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng nhà máy và mạng lưới cấp nước

1. Khi tiến hành đầu tư công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, quy định về quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và các quy định tại Điều 34, 35, 37, 38 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng và hoạt động của công trình cấp nước sạch do mình quản lý về Sở Xây dựng định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.